

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo như sau:

Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 27/11/2023
Ông Nguyễn Việt Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm ngày 27/11/2023
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	
Ông Trương Quang Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/07/2023
Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/07/2023
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/12/2023
Ông Nguyễn Công Hiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/12/2023

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Nhung	Thành viên
Bà Đào Thị Minh Hòa	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo như sau:

Ông Nguyễn Văn Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Nguyễn Văn Khánh - Tổng Giám đốc Công ty.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG
Số 15 Bis Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khánh



HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

ATC AUDITING AND VALUATION FIRM

Add. Tòa nhà ATC - Lô D12 - Khu đấu giá Vạn Phúc - P. Vạn Phúc - Q. Hà Đông - TP. Hà Nội

Tel. (+84-24) 3 200 0162 * Fax. (+84-24) 3 200 0163 * Web. www.atcf.vn

Số: 24031901/BCKT/KTTC/ATC
Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương, được lập ngày 19/03/2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Thành Quân
Phó Tổng Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1974-2023-047-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

Phạm Thị Khánh Hòa
Kiểm toán viên

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3399-2020-047-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		168.629.353.705	167.424.949.218
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.463.339.657	7.644.362.597
1. Tiền	111		14.413.339.657	3.594.362.597
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.050.000.000	4.050.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.150.000.000	45.150.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	51.150.000.000	45.150.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.007.531.995	104.638.574.231
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	65.182.674.584	66.207.963.736
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.11	9.210.735.225	6.856.851.190
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	21.487.628.261	33.967.598.417
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(5.873.506.075)	(2.393.839.112)
IV- Hàng tồn kho	140	V.6	5.962.135.871	5.283.958.359
1. Hàng tồn kho	141		5.962.135.871	5.283.958.359
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.046.346.182	4.708.054.031
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	11.389.018	29.078.808
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	2.034.957.164	4.678.975.223
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		227.248.766.538	231.266.294.091
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		83.095.484.496	87.094.050.310
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	83.086.317.813	87.074.883.631
- Nguyên giá	222		148.542.566.678	148.542.566.678
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.456.248.865)	(61.467.683.047)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	9.166.683	19.166.679
- Nguyên giá	228		154.110.767	154.110.767
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(144.944.084)	(134.944.088)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		2.980.259.092	2.980.259.092
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	2.980.259.092	2.980.259.092
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	141.037.173.518	141.037.173.518
1. Đầu tư vào công ty con	251		42.693.227.166	42.693.227.166
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		102.441.831.642	102.441.831.642
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.097.885.290)	(4.097.885.290)
VI- Tài sản dài hạn khác	260		135.849.432	154.811.171
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	135.849.432	154.811.171
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		395.878.120.243	398.691.243.309

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		91.744.011.748	101.829.569.059
I- Nợ ngắn hạn	310		86.858.611.748	96.914.169.059
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	33.831.133.537	35.585.501.705
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.3	2.929.014.187	700.681.241
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	585.470.617	264.646.372
4. Phải trả người lao động	314		9.847.624.007	2.302.717.948
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	25.035.614.629	30.843.820.804
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	3.529.869.302	14.837.787.255
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	500.000.000	500.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.599.885.469	11.879.013.734
II- Nợ dài hạn	330		4.885.400.000	4.915.400.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	4.885.400.000	4.915.400.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		304.134.108.495	296.861.674.250
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.16	304.134.108.495	296.861.674.250
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		268.000.000.000	268.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.481.925.702	10.481.925.702
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		901.701.960	901.701.960
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.750.480.833	17.478.046.588
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.229.907.588	3.777.673.234
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.520.573.245	13.700.373.354
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		395.878.120.243	398.691.243.309

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Trần Thị Bích Hạnh

Nguyễn Văn Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	242.194.198.214	223.320.854.545
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	733.649	8.986.961
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		242.193.464.565	223.311.867.584
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	231.037.339.279	218.400.462.092
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		11.156.125.286	4.911.405.492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	25.991.965.226	22.486.012.956
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.386.484.694	3.448.739.717
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	54.026.409
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	14.201.528.286	11.077.427.589
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		20.560.077.532	12.871.251.142
11. Thu nhập khác	31	VI.6	960.848.177	1.000.840.682
12. Chi phí khác	32	VI.7	352.464	171.718.470
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		960.495.713	829.122.212
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		21.520.573.245	13.700.373.354
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 17. (60 = 50-51-52)	60		21.520.573.245	13.700.373.354

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Bích Hạnh

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		348.769.492.756	292.391.446.528
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(311.957.340.275)	(263.286.563.966)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.015.706.934)	(13.928.050.328)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(57.088.909)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.030.331.764	2.654.641.260
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.367.212.845)	(21.005.552.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.459.564.466	(3.231.167.983)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(264.600.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.036.246.575)	(11.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.036.246.575	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.799.252.332	9.196.640.367
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.799.252.332	(67.959.633)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(2.100.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.443.511.800)	(15.501.748)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.443.511.800)	(2.115.501.748)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		11.815.304.998	(5.414.629.364)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	7.644.362.597	13.061.109.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.672.062	(2.117.204)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	19.463.339.657	7.644.362.597

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Trần Thị Bích Hạnh

Nguyễn Văn Khánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Giao nhận Kho vận Ngoại thương theo Quyết định số 1221/QĐ-BCT ngày 17 tháng 03 năm 2011 của Bộ Công thương, Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107317 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 15 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại 15 Bis Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 268.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79 người (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 82 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan tới vận tải;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ bán vé máy bay;
- Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hoá;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sao chép các bản ghi các loại;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát;
- Dịch vụ logistics;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Cấu trúc của doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh, Xí nghiệp	
Chi nhánh Nghệ An	103 Nguyễn Du, TP. Vinh, Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ xây dựng Ngoại thương	15 Bis Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Văn phòng đại diện	
Văn phòng đại diện Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương	102 Nguyễn Văn Cừ, TP. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty con	
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Hải Phòng	5A Hoàng Văn Thụ, Hải Phòng
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Miền Nam	23 Hoàng Diệ, TP. HCM
Công ty CP Giao nhận KV Ngoại thương Đà Nẵng	Lô A - 192B đường 30/4, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Công ty liên doanh	
Công ty Liên doanh Bông Sen	1A Nguyễn Văn Quý, Q.7, TP. HCM
Công ty TNHH Logistics Sinovitrans	1A Nguyễn Văn Quý, Q.7, TP. HCM
Công ty liên kết	
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans	15 Bis, Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 48
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, chi phí sửa chữa tài sản và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp sau:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng: làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ: Khi ghi nhận khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn; Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch; Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch; Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	40.006.250	25.308.274
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.373.333.407	3.569.054.323
Các khoản tương đương tiền	5.050.000.000	4.050.000.000
Cộng	19.463.339.657	7.644.362.597

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc từ 1 - 3 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, lãi suất theo lãi suất ngân hàng từng thời kỳ.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	51.150.000.000	51.150.000.000	45.150.000.000	45.150.000.000
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	47.150.000.000	47.150.000.000	41.150.000.000	41.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000

Các khoản tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng, lãi suất theo lãi suất ngân hàng từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	42.693.227.166	(3.762.199.787)	42.693.227.166	(3.762.199.787)
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	33.070.150.023	-	33.070.150.023	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	3.108.802.700	-	3.108.802.700	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương miền Nam	2.752.074.656	-	2.752.074.656	-
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	3.762.199.787	(3.762.199.787)	3.762.199.787	(3.762.199.787)
Đầu tư vào công ty liên doanh	101.941.831.642	-	101.941.831.642	-
Công ty Liên doanh Bông Sen	96.969.331.642	-	96.969.331.642	-
Công ty TNHH Logistics Sinovitrans	4.972.500.000	-	4.972.500.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	500.000.000	(335.685.503)	500.000.000	(335.685.503)
Công ty CP Đầu tư XD và XNK Vietrans	500.000.000	(335.685.503)	500.000.000	(335.685.503)

Thông tin về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

Đơn vị nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
a) Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	5A Hoàng Văn Thụ, TP. Hải Phòng	66,12%	66,12%	Ủy thác XNK, cho thuê kho bãi
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	67,80%	67,80%	Ủy thác XNK, giao nhận
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương miền Nam	23 Hoàng Diệu, TP. Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	Lô A-192B, đường 30/4, Hải Châu, Đà Nẵng	57,25%	57,25%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đơn vị nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
b) Đầu tư vào công ty liên doanh				
Công ty Liên doanh Bông Sen	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. Hồ Chí Minh	61,80%	61,80%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải
Công ty TNHH Logistics Sinovitrans	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Vận tải, bốc xếp hàng hóa và các dịch vụ khác
c) Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty CP Đầu tư XD và XNK Vietrans	15 Bis Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	43,48%	43,48%	Xây dựng

3. Công nợ với khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Bên không liên quan		
Công ty TNHH Hàm rượu Châu Á	24.506.828.173	27.541.973.882
Công ty cổ phần tập đoàn giáo dục Quốc tế	8.354.813.075	8.504.813.075
Ban quản lý Dự án chuyên ngành xây dựng công trình y tế	6.170.198.813	4.737.568.790
Công ty TNHH Ford Việt Nam	5.152.845.417	4.718.549.133
Công ty cổ phần phát triển UP	5.005.000.000	1.075.339.827
Công ty Honda Việt Nam	4.226.288.720	2.515.329.602
Công ty cổ phần công nghệ dinh dưỡng Việt Nhật	1.906.238.000	2.349.810.000
Công ty TNHH Tiếp vận Việt Hàn	1.331.910.000	-
Bệnh viện K	731.588.272	1.093.625.987
Công ty TNHH Thương mại Thiên Linh	-	2.046.497.961
Bệnh viện mắt Trung ương	-	815.848.800
Công ty cổ phần Karofi Holding	-	217.589.154
Các khách hàng khác	7.796.964.114	10.591.017.525
Cộng	65.182.674.584	66.207.963.736
b) Khách hàng trả trước ngắn hạn		
- Bên không liên quan		
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng Việt Nam	2.901.622.793	-
Công ty TNHH thương mại Thiên Linh	16.719.774	-
Công ty TNHH Linh Hiên	40.000	700.189.841
Các khách hàng khác	10.631.620	491.400
Cộng	2.929.014.187	700.681.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Bên liên quan	6.332.369.141	15.456.817.970
Phải thu cổ tức của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Miền Nam	666.000.000	666.000.000
Phải thu cổ tức của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	-	490.899.694
Phải thu khác của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương Đà Nẵng	-	139.909.788
Phải thu lợi nhuận của Công ty liên doanh Bông Sen	-	11.766.169.376
Phải thu lợi nhuận của Công ty TNHH Logistics Sinovitrans	5.666.369.141	2.393.839.112
- Bên không liên quan	15.155.259.120	18.510.780.447
Trích trước giá trị nghiệm thu công trình Bệnh viện K	-	3.766.159.544
Phải thu về cổ phần hóa	827.521.153	827.521.153
Tạm ứng của người lao động, phòng Ban trong Công ty	12.696.279.531	12.196.279.531
Phải thu các đối tượng khác	1.631.458.436	1.720.820.219
Cộng	21.487.628.261	33.967.598.417

5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ phải thu khách hàng quá hạn	8.392.199.075	(5.873.506.075)	8.624.045.075	(2.393.839.112)
Công ty cổ phần tập đoàn giáo dục Quốc tế (*)	8.354.813.075	(5.854.813.075)	8.504.813.075	(2.393.839.112)
Công ty cổ phần kỹ nghệ GK	37.386.000	(18.693.000)	119.232.000	-

(*) Khoản phải thu Công ty cổ phần tập đoàn giáo dục Quốc tế được trích lập dự phòng toàn bộ sau khi giảm trừ giá trị khoản đặt cọc đã nhận được.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.877.561.990	-	5.199.384.478	-
Hàng hóa	84.573.881	-	84.573.881	-
Cộng	5.962.135.871	-	5.283.958.359	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2023	144.946.016.950	2.823.121.226	773.428.502	148.542.566.678
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>144.946.016.950</u>	<u>2.823.121.226</u>	<u>773.428.502</u>	<u>148.542.566.678</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2023	58.732.384.358	1.961.870.187	773.428.502	61.467.683.047
Tăng trong năm	3.830.523.274	158.042.544	-	3.988.565.818
Khấu hao trong năm	3.830.523.274	158.042.544	-	3.988.565.818
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>62.562.907.632</u>	<u>2.119.912.731</u>	<u>773.428.502</u>	<u>65.456.248.865</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2023	<u>86.213.632.592</u>	<u>861.251.039</u>	<u>-</u>	<u>87.074.883.631</u>
Tại 31/12/2023	<u>82.383.109.318</u>	<u>703.208.495</u>	<u>-</u>	<u>83.086.317.813</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 7.708.293.560 VND và tại ngày 01/01/2023 là 6.470.423.719 VND.

8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2023	154.110.767	154.110.767
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>154.110.767</u>	<u>154.110.767</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2023	134.944.088	134.944.088
Tăng trong năm	9.999.996	9.999.996
Khấu hao trong năm	9.999.996	9.999.996
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2023	<u>144.944.084</u>	<u>144.944.084</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2023	<u>19.166.679</u>	<u>19.166.679</u>
Tại 31/12/2023	<u>9.166.683</u>	<u>9.166.683</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 104.110.767 VND; tại ngày 01/01/2023 là 104.110.767 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.389.018	29.078.808
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.389.018	29.078.808
b) Dài hạn	135.849.432	154.811.171
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	26.705.232	80.773.882
Hàng rào phía sau kho Yên viên	-	74.037.289
Mái tôn chống dột kho Yên Viên	75.039.825	-
Trả trước phí dịch vụ email	34.104.375	-
Cộng	147.238.450	183.889.979

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng văn phòng ở Cầu Giấy	472.199.091	472.199.091
Xây nhà ở cho CBCNV tại Pháp Vân	2.508.060.001	2.508.060.001
Cộng	2.980.259.092	2.980.259.092

11. Công nợ với nhà cung cấp

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Bên không liên quan	33.831.133.537	35.585.501.705
Công ty TNHH Thương Mại - Xuất nhập khẩu - Vận tải Thành Trang	4.072.059.000	2.244.358.800
Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Hùng Phát	2.981.448.000	3.911.976.000
Công ty TNHH Sao Hải Phòng	2.830.140.000	2.862.484.920
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Trung Nghĩa	2.415.765.600	828.037.080
Công ty cổ phần Diên Hải	2.285.776.800	806.598.000
Công ty cổ phần kỹ thuật Hà Nội	888.774.642	1.038.774.642
Công ty TNHH dịch vụ và tiếp vận quốc tế ULQ	816.264.000	591.894.000
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Logistics KTH	778.075.200	1.050.246.000
Công ty cổ phần giải pháp công nghệ tòa nhà An Thịnh	713.150.581	410.150.581
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	16.049.679.714	21.840.981.682
Cộng	33.831.133.537	35.585.501.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Bên không liên quan	9.210.735.225	6.856.851.190
Italian Trading Import Export SRL (tương đương 35.620,8 EUR)	944.071.956	68.743.341
Terre cevico soc.coop.agricola (tương đương 23.944 EUR)	637.752.750	267.527.383
Vitivinicola Cremaschi Barriga S.A. (tương đương 1.300 USD)	317.200.000	-
Công ty TNHH Đại lý vận tải Evergreen (Việt Nam)	162.000.000	419.000.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	7.149.710.519	6.101.580.466
Cộng	9.210.735.225	6.856.851.190

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí mua hàng, dịch vụ logistic	24.830.807.933	30.194.645.900
Trích trước thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt	204.806.696	649.174.904
Cộng	25.035.614.629	30.843.820.804

13. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đầu năm
a) Phải nộp				
Thuế GTGT tại VP Hà Nội	573.444.350	26.573.899.719	26.252.801.741	252.346.372
Thuế GTGT tại CN Nghệ An	12.026.267	49.200.000	49.473.733	12.300.000
Cộng	585.470.617	26.623.099.719	26.302.275.474	264.646.372
b) Phải thu				
Thuế GTGT tại XN dịch vụ xây dựng	45.873.608	-	-	45.873.608
Thuế TNDN	58.982.247	-	-	58.982.247
Thuế TNCN	555.767.597	796.443.335	589.272.153	348.596.415
Thuế tiêu thụ đặc biệt	868.061.974	82.377.073.498	83.909.518.893	2.400.507.369
Thuế xuất nhập khẩu	506.271.738	28.831.938.302	30.147.679.221	1.822.012.657
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	8.117.954.493	8.120.957.420	3.002.927
Cộng	2.034.957.164	120.123.409.628	122.767.427.687	4.678.975.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

(*) Công ty ghi nhận toàn bộ tiền thuê đất năm 2023 phải nộp theo Thông báo của Cơ quan thuế vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được Quyết định chính thức của các Cơ quan thuế về việc giảm 30% tiền thuê đất năm 2023 tại các địa điểm thuê đất của Công ty theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023. Công ty sẽ ghi nhận tiền thuê đất năm 2023 được giảm (nếu có) vào kết quả kinh doanh tại thời điểm nhận được Quyết định chính thức của Cơ quan thuế.

14. Các khoản phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	130.102.179	130.102.179
Phải trả khác của Văn phòng Hà Nội	597.013.872	576.027.825
Phải trả Công ty CP GNKV Ngoại Thương Đà Nẵng (Bên liên quan)	400.000.000	-
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	11.728.904.000
Trường Trung học Phổ thông Quốc tế Mỹ	696.512.310	696.512.310
Phải trả khác của Chi nhánh Nghệ An	56.546.187	56.546.187
Phải trả khác của Chi nhánh Nha Trang	28.530.590	28.530.590
Phải trả khác của Xí nghiệp DVXD Ngoại thương	300.000.000	300.000.000
Các khoản dự chi	1.321.164.164	1.321.164.164
Cộng	3.529.869.302	14.837.787.255
b) Dài hạn		
Công ty cổ phần tập đoàn giáo dục Quốc tế	2.500.000.000	2.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	2.385.400.000	2.415.400.000
Cộng	4.885.400.000	4.915.400.000

15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng bảo hành công trình Xây dựng viện pháp y tâm thần	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	268.000.000.000	10.481.925.702	901.701.960	19.149.316.234	298.532.943.896
Lãi trong năm trước	-	-	-	13.700.373.354	13.700.373.354
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.579.643.000)	(3.579.643.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.792.000.000)	(11.792.000.000)
Số dư cuối năm trước	268.000.000.000	10.481.925.702	901.701.960	17.478.046.588	296.861.674.250
Lãi trong năm nay	-	-	-	21.520.573.245	21.520.573.245
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.528.139.000)	(3.528.139.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.720.000.000)	(10.720.000.000)
Số dư cuối năm nay	268.000.000.000	10.481.925.702	901.701.960	24.750.480.833	304.134.108.495

Tỷ lệ chia cổ tức và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm nay được thực hiện theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/07/2023 của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	266.566.000.000	266.566.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1.434.000.000	1.434.000.000
Cộng	268.000.000.000	268.000.000.000

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	268.000.000.000	268.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	268.000.000.000	268.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.720.000.000	11.792.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.800.000	26.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.800.000	26.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.800.000	26.800.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.800.000	26.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.800.000	26.800.000

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại		
- USD	3.712,33	1.055,77
- EUR	91,10	1.891,84
- JPY	33.000,00	33.000,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	115.809.147.982	102.803.742.242
Doanh thu cung cấp dịch vụ	124.865.577.607	101.776.093.883
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.519.472.625	18.741.018.420
Cộng	242.194.198.214	223.320.854.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	733.649	8.986.961
Cộng	733.649	8.986.961

3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	110.533.668.458	99.157.655.508
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	119.239.977.231	97.783.651.982
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.263.693.590	21.459.154.602
Cộng	231.037.339.279	218.400.462.092

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.712.632.162	1.945.171.212
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.114.795.759	20.266.456.796
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	164.537.305	11.878.496
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	262.506.452
Cộng	25.991.965.226	22.486.012.956

5. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	54.026.409
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác	-	2.995.730.270
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.774.628.446	398.983.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	611.856.248	-
Cộng	2.386.484.694	3.448.739.717

6. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	1.000.000.000
Tiền thuê đất năm 2022 được giảm	956.967.295	-
Các khoản khác	3.880.882	840.682
Cộng	960.848.177	1.000.840.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản phạt hành chính, truy thu	285.294	171.615.556
Các khoản khác	67.170	102.914
Cộng	352.464	171.718.470

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.170.892.800	4.917.273.980
Chi phí khấu hao TSCĐ	175.795.512	175.795.512
Dự phòng phải thu khó đòi	3.479.666.963	2.393.839.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.639.288.780	1.446.823.139
Các khoản chi phí QLDN khác	1.735.884.231	2.143.695.846
Cộng	14.201.528.286	11.077.427.589

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	21.520.573.245	13.700.373.354
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(23.114.795.759)	(20.266.456.796)
Cổ tức lợi nhuận được chia	(23.114.795.759)	(20.266.456.796)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	83.056.100	257.354.834
Chi phí kinh doanh không được trừ	83.056.100	257.354.834
Thu nhập chịu thuế	(1.511.166.414)	(6.308.728.608)
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
			VND
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	Công ty con	Cổ tức được chia	3.610.230.000
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng	Công ty con	Mua dịch vụ	138.232.581
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Miền Nam	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.600.000
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Miền Nam	Công ty con	Mua dịch vụ	682.940.741
Công ty CP Giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	Công ty con	Cổ tức được chia	135.600.000
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty liên doanh	Lợi nhuận được chia	13.702.596.618
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty liên doanh	Mua dịch vụ	6.348.000
Công Ty TNHH Logistics Sinovitrans	Công ty liên doanh	Lợi nhuận được chia	5.666.369.141
Công Ty TNHH Logistics Sinovitrans	Công ty liên doanh	Mua dịch vụ	30.526.625
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Công ty mẹ	Cổ tức đã chi trả	10.662.640.000
Chủ tịch Hội đồng quản trị		Thù lao	11.235.000
Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị		Lương	498.700.800
Thành viên Hội đồng quản trị		Thù lao HĐQT	37.700.000

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31/12/2023, Công ty còn các khoản phải thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung	Số dư
		VND
Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	Lương	76.874.713
Ban điều hành	Lương	146.400.000

3. Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực bán hàng, logistics và xây dựng, doanh thu - giá vốn của từng lĩnh vực đã được trình bày tại Thuyết minh số VI.01 và VI.03; Trụ sở, văn phòng và chi nhánh của Công ty đặt trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập riêng báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát được thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Tài chính - Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.463.339.657	-	-	19.463.339.657
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.796.796.770	-	-	80.796.796.770
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.150.000.000	-	-	51.150.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	141.037.173.518	141.037.173.518
Cộng	151.410.136.427	-	141.037.173.518	292.447.309.945
31/12/2023				
Phải trả người bán và phải trả khác	48.460.888.308	4.885.400.000	-	53.346.288.308
Chi phí phải trả	25.035.614.629	-	-	25.035.614.629
Cộng	73.496.502.937	4.885.400.000	-	78.381.902.937
Chênh lệch thanh khoản thuần	77.913.633.490	(4.885.400.000)	141.037.173.518	214.065.407.008
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.644.362.597	-	-	7.644.362.597
Phải thu khách hàng và phải thu khác	97.781.723.041	-	-	97.781.723.041
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.150.000.000	-	-	45.150.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	141.037.173.518	141.037.173.518
Cộng	150.576.085.638	-	141.037.173.518	291.613.259.156
01/01/2023				
Phải trả người bán và phải trả khác	62.802.302.694	4.915.400.000	-	67.717.702.694
Chi phí phải trả	30.843.820.804	-	-	30.843.820.804
Cộng	93.646.123.498	4.915.400.000	-	98.561.523.498
Chênh lệch thanh khoản thuần	56.929.962.140	(4.915.400.000)	141.037.173.518	193.051.735.658

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.463.339.657	7.644.362.597
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.670.302.845	100.175.562.153
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.150.000.000	45.150.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	145.135.058.808	145.135.058.808
Cộng	302.418.701.310	298.104.983.558
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	53.346.288.308	67.717.702.694
Chi phí phải trả	25.035.614.629	30.843.820.804
Cộng	78.381.902.937	98.561.523.498

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

7. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Bích Hạnh

Nguyễn Văn Khánh